

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14-AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2026/HN-ST
Ngày: 28-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Kim Thanh
- Ông Lê Thanh Phong

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Trường là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-An Giang: Ông Châu Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 443/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Néang N, sinh năm 1997 (xin xét xử vắng mặt); địa chỉ: Khu dân cư Võ Hải, ấp T, xã T, tỉnh A; Số CCCD: 089197017383.

2. Bị đơn: Chau M, sinh năm 1996 (vắng mặt); địa chỉ: Tổ 03, ấp A, xã T, tỉnh A; Số CCCD: 089096016511

3. Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Kim S, sinh năm 1964 (có mặt); địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Néang N trình bày:

Bà N và ông M có thời gian quen biết nhau do tự tìm hiểu, sau đó tổ chức lễ cưới về chung sống có đăng ký kết tại UBND xã T vào ngày 25/01/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến cuối năm 2018 phát

sinh mâu thuẫn đôi bên thường xuyên cãi nhau do tính tình không còn phù hợp bất đồng quan điểm sống, ông Chau M thường xuyên nhậu nhẹt tụ tập bạn bè phá tán tài sản gia đình, bỏ bê vợ con, bỏ nhà đi không còn sự quan tâm chăm sóc vợ con, đôi bên đã ly thân đến nay đã được khoảng 4 tháng, hiện không còn tình cảm bà Néang N kiên quyết ly hôn với ông Chau M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Chau R Q, sinh ngày 10/11/2018, hiện ông M đang nuôi dưỡng, bà N đồng ý giao con chung cho ông M nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Chau M vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, không ghi nhận được ý kiến trình bày, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-A phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2018, đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp thường xuyên cãi nhau, dẫn đến ly thân đến nay chưa về chung sống lại; mâu thuẫn giữa bà Neáng N và ông Chau M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Chau R Q, sinh ngày 10/11/2018, hiện ông M đang nuôi dưỡng, bà N đồng ý giao con chung cho ông M nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 30 tháng 01 năm 2026 bà Neáng N có đơn yêu cầu ly hôn với ông Chau M và giải quyết về nuôi con, ông Chau M cư trú tại ấp A, xã T, tỉnh A. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14-An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 19/5/2026 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 443/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do; riêng nguyên đơn phiên tòa lần thứ nhất có mặt nhưng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Neáng N và ông Chau M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 25/01/2018 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà Neáng N và ông Chau M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà N yêu cầu ly hôn. Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tạo điều kiện hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Chau M vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền lợi của mình. Xét về mâu thuẫn phát sinh từ cuối năm 2018 do tính tình không phù hợp thường xuyên cãi nhau, dẫn đến ly thân bỏ mặc nhau tự sống, không còn tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau điều này phù hợp với kết quả Biên bản xác minh ngày 21/4/2026. Do đó, mâu thuẫn giữa bà Neáng N và ông Chau M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Neáng N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà Neáng N xác định có 01 con chung tên Chau R Q, sinh ngày 10/11/2018, hiện ông M đang nuôi dưỡng, bà N đồng ý giao con chung cho ông M nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà N là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn được sống chung với ông M, tuy ông M vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nhưng cháu R Q từ nhỏ đến giờ vẫn sống chung với ông M do ông M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên để tránh làm xáo trộn tâm sinh lý và môi trường sinh sống học tập của con chung cần tiếp tục giao con chung cho ông M nuôi dưỡng là phù hợp, đối với việc cấp dưỡng nuôi con khi ông M có tranh chấp có đơn yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Neáng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, **điểm a, b khoản 2** Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Neáng N. Bà Neáng N được ly hôn với ông Chau M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12/TPHT ngày 25/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh A (nay là xã T, tỉnh A) không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Chau M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Chau R Q, sinh ngày 10/11/2018. Bà Neáng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống chung với ông M, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của ông M.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp bà N lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì ông M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Neáng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 301525 ngày 20-02-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh A. Bà Neáng N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 14-An Giang;
- THADS tỉnh A;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

